TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 04./2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/01/2021.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Hoàng.
2. Ông Nguyễn Chí Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 thángNg 01 Năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2020/TLST- HNGĐ Ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Hồng H, sinh năm 1978, địa chỉ: khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1974, địa chỉ: : khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 01/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng Như xét xử, nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N vào năm 2004. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Đức B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữa khác. Nay bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Đức B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 14/3/1998 và Nguyễn Thúy A, sinh ngày 15/5/2010. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thúy A, sinh ngày 15/5/2010 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Còn cháu Nguyễn Thúy V đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung : Bà Lưu Thị Hồng H không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện D tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Đức B cố tình trốn tránh, không đến Tòa án nhân dân huyện D để tham gia hòa giải và không có văn bản trả lời ý kiến về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng H gồm: quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ về tài sản chung và nợ chung. Do ông không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện D thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; Thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại bộ luật tố tụng dân sự.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

- Đơn xin ly hôn và bản tự khai.
- 01 trích lục kết hôn.
- 02 bản sao giấy khai sinh.
- 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân.
- 01 bản sao sổ hộ khẩu.
- 01 đơn đề nghị xác nhận.
- 01 biên lai thu tạm ứng án phí.
- 01 biên bản xác minh của Tòa án.

Ngoài ra Tòa án không nhận thêm các tài liệu chứng cứ nào của bà Lưu Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức B .

Các tình tiết,sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết sự kiện các bên thống nhất:

- Thời gian kết hôn.
- Số con chung của vợ chồng.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

Do bị đơn ông Nguyễn Đức B không đến Tòa án nhân dân huyện D để tham gia hòa giải và không trình bày ý kiến về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng H gồm: quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy các nội dụng yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng H chưa có văn bản trả lời ý kiến phản hồi của ông Nguyễn Đức B .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Hồng H và ông Nguyễn Đức B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N vào năm 2004. nên hôn nhân của vợ chồng là hợp pháp. Bà H cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Đức B có quan hệ ngoại tình với

người phụ nữ khác. Nay bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Đức B. Mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng (giao tận tay, giao qua người thân, niêm yết công khai..), Nhưng ông không hợp tác, không có thiện chí đến Tòa để hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, không hạnh phúc và không còn tình cảm, là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là đúng quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 14/3/1998 và Nguyễn Thúy A, sinh ngày 15/5/2010. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thúy A và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Nguyễn Thúy V đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thúy An, sinh ngày 15/5/2010 đã trên 7 tuổi nên cần phải hỏi ý kiến của cháu. Tại văn bản trình bày nguyện vọng của cháu An vào ngày 08/12/2020 đã thể hiện ý kiến của cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là phù hợp với ý kiến của bà H nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung : Bà Lưu Thị Hồng H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồNg xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lưu Thị Hồng H phải chịu án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lưu Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Đức B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thúy A, sinh ngày 15/5/2010 cho bà Lưu Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lưu Thị Hồng H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Đức B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thúy An.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lưu Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8136 Ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Thị Hồng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/01/2021). Ông Nguyễn Đức B

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QNam
- VKSN huyện D.
- Chi cục THADS huyện D .
- UBND TTrấn N.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc